



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bàu Bàng, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh Nghị Quyết số 19/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng về Kế hoạch đầu tư công năm 2023

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG
KHOÁ III, KỲ HỌP THỨ BẢY**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng về việc điều chỉnh Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng về Kế hoạch đầu tư công năm 2023; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2023 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng về Kế hoạch đầu tư công năm 2023, cụ thể như sau:

1. Tổng vốn Kế hoạch đầu tư công năm 2023 là: 131 tỷ 816 triệu đồng, Trong đó:

- Nguồn vốn phân cấp theo tiêu chí: 121 tỷ 816 triệu đồng.
- Nguồn vốn kết dư ngân sách huyện: 10 tỷ đồng.

2. Điều chỉnh vốn từng công trình như sau:

- Vốn phân cấp theo tiêu chí: Tăng vốn 13 công trình, số tiền tăng: 12 tỷ 987 triệu đồng; Giảm vốn 05 công trình, số tiền giảm: 12 tỷ 987 triệu đồng
- Vốn kết dư ngân sách huyện: Không tăng, giảm so với kế hoạch đầu năm 2023.

(Đính kèm phụ lục chi tiết)

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng khoá III, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày tháng năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- TT. HU; TT. HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, phòng ban, khối Đảng, UBMTTQ huyện, Đoàn thể huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, An.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC: KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 - VỐN HUYỆN QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Bầu Bàng)

DVT: Ngân đồng

TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành KT (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án (*)			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Vấn đề giải ngân từ thời công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2023			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch đầu tư công năm 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú			
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó	
								Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21			
	TỔNG SỐ (A+B): 66 công trình							326,925,818	326,925,818	400,822,000	81,385,000	131,816,000	0	0	12,987,000	12,987,000	131,816,000	0	0				
A	VỐN PHÂN CẤP THEO TIÊU CHÍ: 62 công trình							267,428,418	267,428,418	368,912,000	80,235,000	121,816,000	0	0	12,987,000	12,987,000	121,816,000	0	0				
I	Năm 2022 chuyển tiếp sang (a+b): 20 công trình							118,098,109	118,098,109	121,426,000	79,035,000	34,216,000	0	0	522,000	587,000	34,151,000	0	0				
a	Ban Quản lý dự án (15 công trình)							97,407,944	97,407,944	106,223,000	65,863,000	32,276,000	0	0	456,000	587,000	32,145,000	0	0				
1	Xây dựng mới Văn phòng làm việc Khối Đoàn thể xã Long Nguyên	LN	KB.B.Bàng	7876747	340-341	2021-2022	Số 2561 ngày 24/6/2021	10,550,000	10,550,000	10,086,000	9,550,000	500,000			36,000		536,000			Quyết toán			
2	Xây dựng mới văn phòng ấp 3 xã Hưng Hòa	HH	KB.B.Bàng	7876748	340-341	2021-2022	Số 3081 ngày 02/8/2021	5,090,000	5,090,000	5,000,000	4,000,000	1,000,000					1,000,000						
3	Xây dựng mới văn phòng ấp 4 Trừ Văn Thố	TVT	KB.B.Bàng	7876752	340-341	2021-2022	Số 2783 ngày 07/7/2021	4,908,000	4,908,000	4,800,000	3,500,000	1,300,000					1,300,000						
4	Xây mới văn phòng ấp 1 Tân Hưng	TH	KB.B.Bàng	7876749	340-341	2021-2022	Số 3080 ngày 02/8/2021	5,069,000	5,069,000	5,000,000	2,360,000	2,400,000					2,400,000						
5	Xây mới văn phòng ấp 5 Tân Hưng	TH	KB.B.Bàng	7876750	340-341	2021-2022	Số 3079 ngày 02/8/2021	5,085,000	5,085,000	5,000,000	3,381,000	1,600,000					1,600,000						
6	Xây dựng công viên Bàng Láng thị trấn Lai Uyên	LU	KB.B.Bàng	7898708	340-341	2022-2023	Số 4372 ngày 06/12/2021	2,581,674	2,581,674	2,500,000	1,550,000	500,000					500,000						
7	Xây dựng Văn phòng ấp Cầu Dơi xã Lai Hưng	LH	KB.B.Bàng	7915529	340-341	2022-2023	Số 585 ngày 17/3/2022	4,991,260	4,991,260	4,600,000	2,550,000	2,050,000					2,050,000						
8	Xây dựng mới bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND xã Long Nguyên	LN	KB.B.Bàng	7915530	340-341	2022-2023	Số 4851 ngày 30/12/2021	4,471,502	4,471,502	4,400,000	3,478,000	900,000				587,000	313,000			Quyết toán			
9	Nâng cấp lưn diện trung hạ áp khu vực ấp Hồ Muôn, Nhà Mát, Suối Tre, Bà Phái, Long Hưng xã Long Nguyên.	LN	KB.B.Bàng	7915526	280-292	2022-2023	Số 468 ngày 01/3/2022	8,954,307	8,954,307	6,600,000	4,650,000	1,950,000					1,950,000						
10	Xây dựng sân bóng đá mini và hồ bơi BCH Quận sự	LU	KB.B.Bàng	7915528	010-011	2022-2023	Số 1192 ngày 29/4/2022	9,756,795	9,756,795	8,100,000	5,050,000	3,000,000					3,000,000						
11	Nhà ở tập thể đối cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an huyện Bầu Bàng	LU	KB.B.Bàng	7915527	040-041	2022-2023	Số 1193 ngày 29/4/2022	12,796,923	12,796,923	11,500,000	8,211,000	3,280,000					3,280,000						
12	Xây dựng mới Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND thị trấn Lai Uyên	LU	KB.B.Bàng	7958702	340-341	2022-2023	Số 2540 ngày 03/8/2022	4,974,764	4,974,764	4,900,000	2,350,000	2,500,000					2,500,000						
13	Nâng cấp, lắp đặt hệ thống chiếu sáng trên DT- 749a xã Long Nguyên.	LN	KB.B.Bàng	7945914	280-292	2022-2023	Số 2943 ngày 03/8/2023	6,820,590	6,820,590	7,500,000	4,300,000	2,100,000					2,100,000						
14	Đầu tư hạ tầng khu quy hoạch (khu đất 86,425m2), xã Long Nguyên	LN	KB.B.Bàng	7945915	280-292	2022-2023		0		15,000,000	0	9,196,000					9,196,000						
15	Xây dựng mới Hội trường xã Trừ Văn Thố	TVT	KB.B.Bàng	7876745	340-341		Số 1043 ngày 09/3/2021	11,358,129	11,358,129	11,237,000	10,933,000				420,000		420,000			Bổ sung danh mục			
b	Phòng Quản lý Đô Thị (05 công trình)							20,690,165	20,690,165	15,203,000	13,172,000	1,940,000	0	0	66,000	0	2,006,000	0	0				
1	Nâng cấp BTXM đường ông Tuấn - ông Hải ấp 1 (Đường số 87) xã Hưng Hòa	HH	KB.B.Bàng	7915524	280-292	Nhóm C	Số 307 ngày 17/02/2022	1,129,014	1,129,014	1,113,000	1,050,000	0			22,000		22,000			Bổ sung danh mục quyết toán			
2	Nâng cấp BTXM đường ấp 1 Hưng Hòa gồm các tuyến số (05, 13, 15, 25, 89, 91)	HH	KB.B.Bàng	7915522	280-292	Nhóm C	Số 306 ngày 17/02/2022	2,279,362	2,279,362	2,350,000	2,350,000	0			44,000		44,000			Bổ sung danh mục quyết toán			
3	Nâng cấp BTNN đường ấp Suối Can gồm tuyến Ông Cường - Ông Ân (số 35); tuyến Ông Hưng - Bà Bé (số 36); tuyến Ông Thuận - Ông Long (số 37) và tuyến Ông Liên - Ông Chuẩn (số 38) xã Cây Trươi	CT	KB.B.Bàng	7915525	280-292	2022-2023	Số 1589 ngày 01/6/2022	10,269,615	10,269,615	5,540,000	4,050,000	1,490,000					1,490,000						
4	Nâng cấp BTNN đường DT750 đến nhà Ông Nghĩa ấp 3 Trừ Văn Thố	TVT	KB.B.Bàng	7915521	280-292	2022-2023	Số 1595 ngày 01/6/2022	4,488,999	4,488,999	4,300,000	4,072,000	200,000					200,000						
5	Nâng cấp BTNN đường ông Nguyễn - Gara Tương Vỹ - Cây Xăng bà 7 - Miếu ông Đen (TT Lai Uyên - 08, 10)	LU	KB.B.Bàng	7915523	280-292	2022-2023	Số 1588 ngày 01/6/2022	2,523,175	2,523,175	1,900,000	1,650,000	250,000					250,000						

TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mua vật tư (chỉ liệt kê địa điểm mua)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành KT (nếu có)	Thời gian KC-FTT	Quyết định đầu tư dự án (*)				Kế hoạch đầu tư công năm 2023	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch đầu tư công năm 2023 sau điều chỉnh				Ghi chú					
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025				Vốn đã giải ngân từ ngân sách nhà nước	Tổng số	Trong đó			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Tổng số	Trong đó	
								Tổng số	Vốn ngoài ngân sách							Thu ngân sách nhà nước	Thu ngân sách nhà nước					Thu ngân sách nhà nước	Thu ngân sách nhà nước
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21			
II	Khai công mới (trên): 31 công trình							149.330.389	149.330.389	176.409.000	1.200.000	82.000.000	0	0	11.865.000	8.400.000	85.865.000	0	0				
a	Ban Quản lý dự án (14 công trình)							83.484.823	83.484.823	98.200.000	450.000	40.000.000	0	0	10.365.000	6.900.000	44.065.000	0	0				
1	Xây dựng mới văn phòng cấp 2 xã Hùng Hòa	HH	KB B.Bang	7972143	340-341	2022-2023				5.000.000	50.000	3.500.000				3.450.000	50.000						
2	Xây dựng mới văn phòng cấp 2 xã Hùng Hòa	CT	KB B.Bang	7972140	340-341	2022-2023	Số 1075 ngày 10/05/2023	5.355.993	5.355.993	5.000.000	50.000	3.500.000					3.500.000						
3	Xây dựng mới văn phòng cấp 2 xã Hùng Hòa	CT	KB B.Bang	7971874	340-341	2022-2023	Số 1074 ngày 10/05/2023	5.935.041	5.935.041	5.000.000	50.000	3.500.000					3.500.000						
4	Xây mới văn phòng cấp 2 xã Tân Hưng	TH	KB B.Bang	7972144	340-341	2022-2023			0	5.100.000	50.000	3.500.000				3.450.000	50.000						
5	Xây dựng Văn phòng cấp 2 xã Tân Hưng	LH	KB B.Bang	7972145	340-341	2022-2023	Số 1076 ngày 10/05/2023	6.861.192	6.861.192	5.100.000	50.000	3.500.000					3.500.000						
6	Xây dựng mới văn phòng cấp 2 xã Tân Hưng	LN	KB B.Bang	7972146	280-392	2022-2023	Số 583 ngày 23/07/2023	10.189.150	10.189.150	10.000.000	50.000	5.000.000					5.000.000						
7	Xây dựng mới văn phòng cấp 2 xã Tân Hưng	LN	KB B.Bang	7972141	340-341	2022-2023	Số 1096 ngày 11/05/2023	5.032.487	5.032.487	5.000.000	50.000	2.500.000					2.500.000						
8	Xây dựng mới văn phòng cấp 2 xã Tân Hưng	LN	KB B.Bang	7972142	340-341	2022-2023	Số 1073 ngày 10/05/2023	5.117.462	5.117.462	5.000.000	50.000	2.500.000					2.500.000						
9	Xây dựng mới Trung tâm hành chính cấp huyện Bình Giang	LU	KB B.Bang	7979087	340-341	2022-2023	Số 626 ngày 27/07/2023	44.993.898	44.993.898	30.000.000	50.000	10.000.000				3.465.000	13.465.000						
10	Cải tạo, sửa chữa hệ thống cấp nước và nhà ăn Huyện ủy	LU	KB B.Bang	340-341	2022-2023				0	4.000.000	0	3.000.000					3.000.000						
11	Xây dựng nhà ở cho dân xã Tân Hưng	LU	KB B.Bang	160-161	2022-2023				0	5.000.000	0	50.000				1.930.000	2.090.000						
12	Xây dựng nhà ở cho dân xã Tân Hưng	TVT	KB B.Bang	340-341	2022-2023					3.000.000		0				1.900.000	1.900.000						
13	Xây dựng nhà ở cho dân xã Tân Hưng	LH	KB B.Bang	400-428	2022-2023					8.000.000		0				2.000.000	2.000.000						
14	Xây dựng mới văn phòng cấp 2 xã Tân Hưng	LN	KB B.Bang	340-341	2022-2023					3.000.000	750.000	38.800.000	0	0	1.500.000	1.500.000	38.800.000	0	0				
b	Phường Quản lý dự án (14 công trình)							65.845.486	65.845.486	72.209.000	750.000	38.800.000					2.500.000						
1	Xây dựng mới văn phòng cấp 2 xã Tân Hưng	LH	KB B.Bang	8004274	280-392	2022-2023	Số 336 ngày 01/07/2023	6.778.419	6.778.419	6.100.000	50.000	2.500.000					2.500.000						
2	Xây dựng mới văn phòng cấp 2 xã Tân Hưng	LH	KB B.Bang	8004965	280-392	2022-2023	Số 834 ngày 17/06/2023	5.218.745	5.218.745	5.200.000	50.000	2.000.000					2.000.000						
3	Xây dựng mới văn phòng cấp 2 xã Tân Hưng	LN	KB B.Bang	8004266	280-392	2022-2023	Số 361 ngày 06/07/2023	6.865.171	6.865.171	6.400.000	50.000	3.800.000					3.800.000						
4	Xây dựng mới văn phòng cấp 2 xã Tân Hưng	LN	KB B.Bang	8004655	280-392	2022-2023	Số 334 ngày 01/07/2023	7.028.742	7.028.742	6.300.000	50.000	3.000.000					3.000.000						
5	Xây dựng mới văn phòng cấp 2 xã Tân Hưng	HH	KB B.Bang	8004264	280-392	2022-2023	Số 841 ngày 17/06/2023	5.179.022	5.179.022	5.500.000	50.000	2.500.000					2.500.000						
6	Xây dựng mới văn phòng cấp 2 xã Tân Hưng	CT	KB B.Bang	8004964	280-392	2022-2023	Số 306 ngày 23/07/2023	6.821.171	6.821.171	6.200.000	50.000	4.000.000					4.000.000						
7	Xây dựng mới văn phòng cấp 2 xã Tân Hưng	LU	KB B.Bang	8004271	280-392	2022-2023	Số 301 ngày 23/07/2023	4.318.779	4.318.779	3.900.000	50.000	2.500.000					2.500.000						
8	Xây dựng mới văn phòng cấp 2 xã Tân Hưng	LU	KB B.Bang	8004269	280-392	2022-2023	Số 309 ngày 23/07/2023	6.132.549	6.132.549	5.500.000	50.000	2.000.000				1.500.000	3.500.000						
9	Xây dựng mới văn phòng cấp 2 xã Tân Hưng	TVT	KB B.Bang	8004965	280-392	2022-2023	Số 307 ngày 17/07/2023	2.144.126	2.144.126	2.900.000	50.000	1.500.000					1.500.000						
10	Xây dựng mới văn phòng cấp 2 xã Tân Hưng	TVT	KB B.Bang	8004273	280-392	2022-2023	Số 308 ngày 23/07/2023	2.546.330	2.546.330	2.000.000	50.000	1.500.000					1.500.000						
11	Xây dựng mới văn phòng cấp 2 xã Tân Hưng	TVT	KB B.Bang	8004268	280-392	2022-2023	Số 315 ngày 01/07/2023	3.799.883	3.799.883	2.300.000	50.000	1.500.000					1.500.000						
12	Xây dựng mới văn phòng cấp 2 xã Tân Hưng	LU	KB B.Bang	8004270	280-392	2022-2023				3.600.000	100.000	2.500.000					2.500.000						

TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành KT (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án (*)			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ thời điểm cuối năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2023			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch đầu tư công năm 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó		
								Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
13	Nâng cấp Lấp đất HTCS tuyến đường Lai Hưng-09, Lai Hưng-10, Lai Hưng-20, Lai Hưng-22; Lai Hưng-25 Lai Hưng 30, Lai Hưng-32, Lai Hưng-33; Lai Hưng-35 xã Lai Hưng	LH	KB.B.Bảng	8004273	280-292	2022-2023	Số 338 ngày 01/3/2023	3,846,203	3,846,203	3,300,000	50,000	2,000,000					2,000,000			
14	Nâng cấp BTNN đường Long Nguyên 21 và đường tổ 5 ấp Long Hưng xã Long Nguyên	LN	KB.B.Bảng	8004267	280-292	2022-2023	Số 337 ngày 01/3/2023	5,166,346	5,166,346	5,100,000	50,000	2,000,000					2,000,000			
15	Gia cố chống sạt lở suối Dòn Gánh, ấp Hồ Muôn, xã Long Nguyên	LN	KB.B.Bảng		280-283	2022-2023				8,909,000		4,000,000					4,000,000			02 nguồn vốn
16	Nâng cấp nhà tưởng niệm anh hùng Trư Văn Thỏ	TVT	KB.B.Bảng		340-341	2022-2023				0		1,500,000				1,500,000	0			Chuyển đổi chủ đầu tư
c	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện (01 công trình)									5,000,000		3,000,000			0	0	3,000,000	0	0	
1	Giải phóng mặt bằng các tuyến đường lô nông trường cao su do công ty cao su giao lại cho địa phương và các văn phòng áp trên địa bàn huyện Bàu Bàng	BB	KB.B.Bảng		280-292	2022-2023				5,000,000		3,000,000					3,000,000			
III	Chuẩn bị đầu tư (a+b+c): 17 công trình									71,077,000	0	5,200,000	0	0	600,000	4,000,000	1,800,000	0	0	
a	Ban Quản lý dự án (08 công trình)									40,700,000	0	350,000	0	0	600,000	0	950,000	0	0	
1	Xây mới văn phòng ấp 3 xã Tân Hưng	TH	KB.B.Bảng		340-341	2023-2024				5,000,000		50,000					50,000			
2	Xây dựng mới văn phòng ấp 4 xã Hưng Hòa	HH	KB.B.Bảng		340-341	2023-2024				5,000,000		50,000					50,000			
3	Xây dựng Nhà Văn hóa khu phố Bàu Hốt TT Lai Uyên	LU	KB.B.Bảng		340-341	2023-2024				5,000,000		50,000					50,000			
4	Đầu tư nâng cấp lưon điện tại một số khu vực ấp Bến Tương, ấp Cầu Dội và ấp Lai Khê xã Lai Hưng	LH	KB.B.Bảng		280-292	2023-2024				7,000,000		50,000					50,000			
5	Nâng cấp BTNT đường liên ấp 2, 3, 4 xã Tân Hưng	TH	KB.B.Bảng		280-292	2023-2024				100,000		50,000					50,000			02 nguồn vốn
6	Xây dựng mới hội trường xã Hưng Hòa	HH	KB.B.Bảng		340-341	2023-2024				6,000,000		50,000					50,000			
7	Nâng cấp BTNN đường DH618 và hệ thống thoát nước (Trường MN Lai Uyên - đường DT741C)	LU	KB.B.Bảng		280-292	2023-2024				100,000		50,000					50,000			02 nguồn vốn
8	Xây dựng mới văn phòng ấp Bà Phái xã Long Nguyên	LN	KB.B.Bảng		340-341	2023-2024				3,000,000		0			50,000		50,000			Bổ sung danh mục
9	Xây dựng nhà kho tang vật huyện Bàu Bàng	LU	KB.B.Bảng		340-341	2023-2024				2,500,000		0			500,000		500,000			Bổ sung danh mục
10	Xây dựng mới hội trường UBND thị trấn Lai Uyên	LU	KB.B.Bảng		340-341	2023-2025				7,000,000		0			50,000		50,000			Bổ sung danh mục
b	Phòng Quản lý đô thị (08 công trình)									25,377,000	0	4,350,000	0	0	0	4,000,000	350,000	0	0	
1	Nâng cấp BTXM đường số 80 xã Hưng Hòa	HH	KB.B.Bảng		280-292	2023-2024				3,300,000		50,000					50,000			
2	Nâng cấp BTNN đường Lai Uyên - 21 thị trấn Lai Uyên	LU	KB.B.Bảng		280-292	2023-2024				4,000,000		50,000					50,000			
3	Nâng cấp BTNN đường DT750 đến gỗ Bình Đình ấp 3 xã Trư Văn Thỏ	TVT	KB.B.Bảng		280-292	2023-2024				3,500,000		50,000					50,000			
4	Nâng cấp BTNN đường tổ 3 ấp Bưng Thuộc xã Long Nguyên	LN	KB.B.Bảng		280-292	2023-2024				4,500,000		50,000					50,000			
5	Nâng cấp đường từ Quốc lộ 13 - Nhà ông Nghĩa xã Lai Hưng	LH	KB.B.Bảng		280-292	2023-2024				3,077,000		50,000					50,000			
6	Nâng cấp BTNN đường Lai Uyên - 72 thị trấn Lai Uyên	LU	KB.B.Bảng		280-292	2023-2024				4,000,000		50,000					50,000			
7	Cải tạo Khu di tích Ấp chiến lược kiểu mẫu Bến Tương, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	LH	KB.B.Bảng		160-161	2023-2024				3,000,000		50,000					50,000			
8	Quy hoạch 234,2 ha SanMiguel PureFoods	LH	KB.B.Bảng		280-332	2022-2023				0		4,000,000				4,000,000	0			Chuyển nguồn vốn sự nghiệp
c	Công an huyện (01 công trình)									5,000,000	0	500,000	0	0	0	0	500,000	0	0	

STT	Nội dung	Đơn vị làm xây dựng	Địa điểm xây dựng (nếu khác địa phương huyện)	Mã dự án đầu tư	Mã nguồn KT (Quỹ, Ngân sách)	Thời gian KC-HT	Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư			Kế hoạch ngân sách trung hạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ thời điểm công đầu bắt đầu kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2023			Đầu tư công tăng	Đầu tư công giảm	Kế hoạch đầu tư công năm 2023 sau điều chỉnh			Ghi chú
								Tổng mức vốn đầu tư		Trong đó: phần vốn ngoài sách nhà nước			Tổng số	Trong đó	Tư nhân đầu tư xây dựng cơ bản			Tư nhân đầu tư xây dựng cơ bản	Tư nhân đầu tư xây dựng cơ bản		
								Tổng số	Trong đó: phần vốn ngoài sách nhà nước												
																				Tổng số	
1	Xây dựng hệ thống camera giám sát, đầu báo báo động, an ninh tại trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh và phòng ban chức năng của Ủy ban nhân dân tỉnh	BIB	KCB.B.Bang		040-041	2023-2025				5.000.000		500.000					500.000				
B	VON KẾT DƯ NGÂN SÁCH HUYỆN: 04 công trình							59.497.490	59.497.490	31.110.000	1.150.000	10.000.000	0	0	0	0	10.000.000	0	0	0	
	Thửa nhà đất huyện - chuyển nhượng (04 công trình)							59.497.490	59.497.490	31.110.000	1.150.000	10.000.000	0	0	0	0	10.000.000	0	0	0	
1	Xây dựng mới trung tâm hành chính công huyện Ban Bang	LU	KCB.B.Bang	7979087	340-341	2023-2024	Số 626 ngày 27/12/2023	44.993.898	44.993.898	14.360.000		3.800.000					3.800.000				
2	Ngân sách liên ở giai đoạn 2	LH	KCB.B.Bang		400-428	2023-2025				10.450.000		3.000.000					3.000.000				
3	Trung tâm huyện Ban Bang	LU	KCB.B.Bang		400-428	2023-2025				2.150.000		200.000					200.000				
4	Ghi nhận từ nhà Công vụ huyện Ban Bang	LU	KCB.B.Bang	7971218	340-341	2023-2023	Số 3248 ngày 09/9/2022	14.503.502	14.503.502	4.150.000	1.150.000	3.000.000					3.000.000				